

Số: 244/2020/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 31 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996;

Cư trú: ấp A, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre

**Bị đơn:** Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1991;

Cư trú: ấp T, xã TT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Hữu T. Quan hệ hôn nhân xác lập theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Tiến D, sinh ngày 12/10/2018. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình hòa giải thành*: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Nguyễn Thị M nộp toàn bộ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000283 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ hoàn lại cho chị M số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *UBND xã TT (B, Bến Tre);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Duy Linh**